

Số: 01 /2025/QĐST-KDTM

Quảng Yên, ngày 14 tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 06 tháng 02 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2024/TLST-KDTM ngày 05 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

-**Nguyên đơn: CÔNG TY TNHH B (B).** Trụ sở chính: Số A T, Phường M, Quận N, Hà Nội, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật: Ông CHOU SHAO-NING JOHNNY. Chức vụ: Chủ tịch Công ty. Đại diện tham gia tố tụng: ông Nguyễn Văn H- Chuyên viên pháp chế - Điện thoại liên hệ: 092 4041 888. (Theo văn bản ủy quyền ngày 19/02/2024 của người đại diện theo pháp luật “Best Express”).

- **Bị đơn: CÔNG TY TNHH Đ1 TÂN ĐẠI KỸ. (“FS Phong Hải”).** Địa chỉ trụ sở: số nhà A, khu E, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Đăng Đ – Giám đốc.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** ông Nguyễn Đăng Đ. Địa chỉ thường trú: khu E, phường P, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam. ĐT: 0352.118.999.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn là Công ty TNHH B (B) và Bị đơn là Công ty TNHH Đ1 (F) đã ký kết: (i) Hợp đồng nhượng quyền và (ii) Hợp đồng dịch vụ vào ngày 17/08/2023. Theo đó, căn cứ Điều 2.1, Điều 3.1 của Hợp đồng nhượng quyền và Phụ lục vùng phủ đính kèm Hợp đồng nhượng quyền, F sẽ thực hiện dịch vụ chuyển phát hàng hóa (Dịch vụ nhượng quyền) trong phạm vi khu vực nhận nhượng quyền bao gồm: thành phố U và thị xã Q thuộc tỉnh Quảng Ninh. Ngày 17/8/2023 ông Nguyễn Đăng Đ (là Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) và Best E ký Hợp đồng bảo lãnh với nội dung, ông Nguyễn Đăng Đ bằng tài sản cá nhân của mình bảo lãnh mọi nghĩa vụ của F đối với Best E. Trong 03 ngày là các ngày từ ngày 16/12/2023; 17/12/2023 và 18/12/2023, F đã giao thành công 2226 đơn hàng và tổng thu tiền COD của 2226

đơn hàng này là 523.745.464 đồng (*Bằng chữ: Năm trăm hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi năm nghìn bốn trăm sáu mươi tư đồng*), số tiền này F chưa trả cho B.

2.2.B còn đang nắm giữ các khoản sau đây của F: tiền Cọc vận hành: 380.000.000 đồng (*Ba trăm tám mươi triệu đồng*); các khoản khác: 73.890.728 đồng (*Bảy mươi ba triệu tám trăm chín mươi nghìn bảy trăm hai mươi tám đồng*), (*trong đó: tiền trang trí bưu cục: 10.000.000 đồng, tiền cọc thiện chí 25.000.000 đồng, tiền trong ví trung chuyển đối với các đơn hàng do F khai thác được: 38.890.728 đồng*); Ví vận hành của F tính đến ngày 19/12/2023: 52.391.699 đồng (*Năm mươi hai triệu ba trăm chín mươi một nghìn sáu trăm chín mươi chín đồng*). Đối trừ tiền COD của 2226 đơn hàng F đang quản lý và các khoản Best Express đang nắm giữ của F thì F còn nợ Best E số tiền: 17.463.037 đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*).

2.3.Nguyên đơn là Công ty TNHH B (B) và Bị đơn là Công ty TNHH Đ1 (F) đã thống nhất: Bị đơn là Công ty TNHH Đ1 (F) có trách nhiệm trả cho Nguyên đơn là Công ty TNHH B (B) số tiền 17.463.037đồng (*Mười bảy triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm ba mươi bảy đồng*). Nguyên đơn không còn quyền truy đòi Bị đơn trả các khoản phạt phát sinh sau ngày 19/12/2023, Bị đơn không còn quyền yêu cầu Nguyên đơn bồi thường khoản nào khác.

2.4.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Đăng Đ thống nhất thỏa thuận nêu trên giữa Nguyên đơn và Bị đơn.

2.5.Án phí: các bên thống nhất thỏa thuận Nguyên đơn và Bị đơn mỗi bên đều phải chịu án phí như nhau, nên Nguyên đơn là Công ty TNHH B (B) và Bị đơn là Công ty TNHH Đ1 (FS P) mỗi bên đều phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 750.000đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*).

Số tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 750.000đồng (*Bảy trăm năm mươi nghìn đồng*) mà Công ty TNHH B (B) phải chịu được trừ số tiền tạm ứng án phí là 6.189.000đồng (*Sáu triệu một trăm tám mươi chín nghìn đồng*) mà người đại diện của Công ty TNHH B (B) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003984 ngày 11/10/2024 của Cơ quan chi cục thi hành án dân sự thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh, trả lại Công ty TNHH B (B) số tiền 5.439.000đồng (*Năm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng*) tạm ứng án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, mà người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho người được thi hành án thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả thêm khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân

sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKS ND TX Quảng Yên;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan THA dân sự TX Quảng Yên;
- Lưu hồ sơ vụ án

THẨM PHÁN

Đặng Thị Minh Nga

